TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 58/2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 19/08/2024
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà H
Các Hội thẩm nhân dân: Bà T
Bà Y

Thư ký phiên toà: Bà N – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: Bà P- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận H, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 208/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2024 về việc: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/07/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1991; HKTT: P105, B10, tập thể T, phường T, quận H, H; có mặt

- Bị đơn: Anh Vũ Hồng Đ, sinh năm 1991; HKTT: Số 7(Ngõ 82 N). tổ 52, phường T, quận H, H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1].Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thu T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T và Anh Vũ Hồng Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, H vào ngày 10/12/2021. Sau khi kết hôn Chị T và Anh Đ chung sống tại nhà của bố mẹ Chị T tại P105, B10, tập thể T, phường T, quận H, H. Quá trình sống vợ

chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, Anh Đ ham chơi, nên thiếu sự quan tâm chăm sóc cho vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình. Hai vợ chồng Trang, Điệp có mâu thuẫn và cũng được gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên tháng 12/2023 Anh Đ đã chuyển về nhà bố mẹ Anh Đ sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Nay Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị T đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Đ.

- Về con chung: Chị T và Anh Đ có 01 con chung Vũ Nhã U, sinh ngày 02/02/2022; Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra Chị T không có yêu cầu gì khác.

[2].Quá trình giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của Chị Nguyễn Thu T, Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương và gia đình Anh Đ để tống đạt các văn bản tố tụng cho Anh Vũ Hồng Đ. Tuy nhiên Anh Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến về việc Chị T yêu cầu ly hôn đối với anh.

[3].Tại phiên tòa: Chị T có mặt, Anh Đ vắng mặt.

[3.1]. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn Anh Đ; Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Vũ Nhã U và không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Ngoài ra, Chị T không có yêu cầu gì khác.

[3.2]. Đại diện Viện kiểm sát nhân quận H có quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:* Ngày 27/03/2024, Tòa án nhân dân quận H thụ lý vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 23/07/2024 Tòa án đưa vụ án ra xét xử như vậy là đảm bảo về thời hạn xét xử theo quy định tại điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại điều 48, điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp

hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70,71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thu T đối với Anh Vũ Hồng Đ.

+ Xử cho Chị Nguyễn Thu T được ly hôn Anh Vũ Hồng Đ;

+ Về con chung: Giao cho Chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Nhã U, sinh ngày 02/02/2022. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của Anh Vũ Hồng Đ.

+Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

[1.1].Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thu T có đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn đối với Anh Vũ Hồng Đ, sinh năm 1991; HKTT và cư trú tại: Số 7(Ngõ 82 N). tổ 52, phường T, quận H, H. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

[1.2].Về sự vắng mặt của đương sự:

Tòa án nhân dân quận H đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa; tuy nhiên bị đơn Anh Vũ Hồng Đ vắng mặt không có lý do.Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T và Anh Vũ Hồng Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, H vào ngày 10/12/2021. Vì vậy, hôn nhân giữa Chị T và Anh Đ là hợp pháp.

Theo Chị T trình bày, quá trình sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, Anh Đ thiếu sự quan tâm chăm

sóc cho vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên tháng 12/2023 Anh Đ đã chuyển về nhà bố mẹ Anh Đ sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng và kiên quyết xin ly hôn với Anh Đ.

Anh Đ biết sự việc Chị T có yêu cầu ly hôn nhưng không đến Toà án giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và Anh Đ là trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, không hòa giải được. Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, Tòa án cũng tạo điều kiện về thời gian để anh chị có điều kiện hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả. Chị T xác định vợ chồng anh chị mâu thuẫn sâu sắc, vì không còn tình cảm với Anh Đ nên chị kiên quyết yêu cầu ly hôn. Anh Đ mặc dù biết Chị T có yêu cầu ly hôn nhưng cũng không có ý kiến gì, không có động thái hay hành động tích cực hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ Anh Đ cũng không còn tình cảm với Chị T. Vợ chồng anh chị vẫn sống ly thân cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng tiến hành ghi ý kiến của mẹ đẻ Anh Đ thể hiện: vợ chồng Chị T Anh Đ sống không hạnh phúc vì Điệp còn trẻ, ham chơi, nên thiếu sự quan tâm chăm sóc cho vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình. Hai vợ chồng Chị T, Anh Đ có mâu thuẫn và cũng được gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần để mong các con đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc phải là sự tự nguyện từ hai phía. Cả Chị T và Anh Đ đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mục đích hôn nhân của Chị T và Anh Đ không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T, xử cho Chị T được ly hôn với Anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T xác định chị và Anh Đ có 01 con chung là: Vũ Nhã U, sinh ngày 02/02/2022. Khi ly hôn, Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Vũ Nhã U và không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, cha mẹ sinh con ra, ai cũng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, giáo dục đối với con chưa thành niên.

Xét đây là yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của Chị T. Cháu Uyên còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Chị T là lao động tự do, có thu nhập ổn định khoảng 15.000.000 đồng/ tháng.Vì vậy Chị T có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã nhận được phiếu yêu cầu đối với việc cung cấp chứng cứ nếu có nguyện

vọng nuôi con, nhưng Anh Đ cũng không có bất kỳ ý kiến cũng như tài liệu nào phản hồi. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Uyên là đảm bảo tốt về quyền lợi vật chất cũng như tinh thần và phát triển tâm sinh lý cho cháu Uyên và cũng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với Anh Đ cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

[2.3].Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Án phí: Chị T phải chịu tiền tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Chị T, Anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thu T đối với Anh Vũ Hồng Đ.

1. Chị Nguyễn Thu T được ly hôn Anh Vũ Hồng Đ.

2. Con chung: Chị T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân chị và Anh Đ có 01 con chung: Vũ Nhã U, sinh ngày 02/02/2022;

Giao con chung Vũ Nhã U cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với Anh Đ kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp tại Biên lai số 0011347 ngày 27/03/2024 của Chi cục Thi hành án quận H.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H;
-UBNDP T, quận H, H;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H

Nơi nhận
- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA quận H;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Mạnh Thành